TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-ST
Ngày: 14-12-2021
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào.

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mai T, sinh năm 1976; địa chỉ: 7/17, liên khu 4,5 B, quận BT, TP M; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Tấn B1, sinh năm 1984; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1987; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp CN, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Kim TR, sinh năm 1980; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Trần Minh T2, sinh năm 1986; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đường VL, phường TT, quận BT, TP M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Mai T trình bày:*

Chị T có cho vợ chồng anh B1, chị C thuê nhà trọ nên quen biết. Ngày 06-12-2019, chị cho vợ chồng anh B1, chị C vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm. Việc vay tiền có làm giấy tay, vợ chồng anh B1, chị C có ký tên, lăn tay, vay tiền không có lãi suất. Khi vay tiền, có vợ chồng anh Trần Minh T2, chị Nguyễn Kim TR bảo lãnh. Sau khi vay tiền, vợ chồng anh B1, chị C thay đổi nơi tạm trú, số điện thoại, chưa trả cho chị khoản tiền nào. Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B1, chị C có trách nhiệm trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 05-11-2021, bị đơn anh Lê Tấn B1 trình bày:*

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng sự thật. Vợ chồng của anh có vay của chị T số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay 01 năm, vay tiền không có lãi suất. Chữ ký, dấu lăn tay trong giấy mượn nợ ngày 06-12-2019 là của vợ chồng anh. Từ khi vay tiền đến nay, vợ chồng anh chưa trả cho chị T số tiền nào. Nay anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T, vợ chồng anh có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ.

** Đồng bị đơn chị Nguyễn Kim C trình bày:* Chị là vợ của anh B1, chị thống nhất với lời trình bày của anh B1, vợ chồng chị đồng ý trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Kim TR trình bày:* Chị là chị chị dâu bạn dì ruột với vợ chồng anh B1, chị C. Ngày 06-12-2019, vợ chồng chị có đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng anh B1, chị C vay 100.000.000 đồng của chị T. Việc vay tiền không có thỏa thuận lãi suất. Chữ ký, dấu lăn tay trong giấy mượn nợ ngày 06-12-2019 là của anh B1, chị C. Vợ chồng chị đứng ra bảo lãnh nhưng không có khả năng trả nợ cho chị T, nên chị yêu cầu vợ chồng anh B1, chị C có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Trần Minh T2 có đơn xin vắng mặt ở tất cả các buổi làm việc tại Tòa án nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh B1, chị C có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Mai T yêu cầu vợ chồng anh Lê Tấn B1, chị Nguyễn Kim C trả cho chị T số tiền vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Anh B1, chị C có địa chỉ ở ấp CN, xã PT, huyện GD, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền vay: Các đương sự đều thống nhất, vào ngày 06-12-2019, vợ chồng anh B1, chị C có vay của chị T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm. Việc vay tiền có viết giấy tay mượn nợ, có chữ ký, dấu lăn tay của vợ chồng anh B1, chị C, vay tiền không có lãi suất. Nên việc anh B1, chị C có nợ chị T số tiền 100.000.000 đồng là sự thật. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B1, chị C có trách nhiệm trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Chị T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu của vợ chồng anh B1, chị C xin được trả dần cho chị T mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Lê Tấn B1, chị Nguyễn Kim C có trách

nhiệm trả cho chị Phan Thị Mai T số tiền 100.000.000 đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Lê Tấn B1, chị Nguyễn Kim C phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phan Thị Mai T số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012947 ngày 27-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mai T đối với anh Lê Tấn B1, chị Nguyễn Kim C về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Lê Tấn B1, chị Nguyễn Kim C có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Mai T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Lê Tấn B1, chị Nguyễn Kim C phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phan Thị Mai T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0012947 ngày 27-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Nguyện